

VAI TRÒ CỦA HỢP TÁC XÃ TRONG CUNG CẤP VẬT TƯ ĐẦU VÀO VÀ TIÊU THỤ LÚA CHO NÔNG DÂN Ở TỈNH HẬU GIANG

Ngô Văn Thống^{1,2}, Trần Quốc Nhân^{3*}

¹*Viện Nghiên cứu Phát triển Đồng bằng sông Cửu Long, Trường Đại học Cần Thơ*

²*Trung tâm Khuyến nông và Dịch vụ Nông nghiệp tỉnh Hậu Giang*

³*Khoa Phát triển nông thôn, Trường Đại học Cần Thơ*

*Tác giả liên hệ: tqnhan@ctu.edu.vn

Ngày nhận bài: 28.06.2022

Ngày chấp nhận đăng: 27.09.2022

TÓM TẮT

Nghiên cứu thực hiện nhằm đánh giá vai trò của hợp tác xã trong việc cung cấp dịch vụ vật tư đầu vào cho sản xuất và tiêu thụ lúa của nông dân. Số liệu nghiên cứu được thu thập từ 233 hộ nông dân trồng lúa (116 hộ tham gia và 117 hộ không tham gia hợp tác xã) ở huyện Vị Thủy và huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang. Phương pháp phân tích được sử dụng là thống kê mô tả, phân tích bằng chéo và kiểm định sự khác biệt trung bình giữa hai tổng thể (independent samples t-test) để phân tích vai trò của hợp tác xã đối với sản xuất và tiêu thụ lúa của nông hộ. Kết quả nghiên cứu cho thấy, hợp tác xã chưa có vai trò quan trọng trong việc cung cấp lúa giống, phân bón và thuốc bảo vệ thực vật cho thành viên, kể cả hộ nông dân chưa là thành viên. Hợp tác xã chưa có vai trò đáng kể trong việc tiêu thụ lúa cho nông dân nhưng đóng vai trò chính trong việc liên kết với doanh nghiệp, tuy nhiên tỉ lệ hợp tác xã thực hiện liên kết chưa nhiều. Kết quả so sánh cho thấy thành viên trong hợp tác xã đạt lợi nhuận cao hơn so với hộ nông dân chưa tham gia hợp tác xã.

Từ khóa: Hậu Giang, hợp tác xã, nông dân trồng lúa, tiêu thụ, vật tư đầu vào.

Roles of Cooperatives in Input Supply and Output Marketing for Rice Farmers in Hau Giang Province

ABSTRACT

This study investigated the roles of cooperatives in production inputs supply to and output marketing from rice farmers. Data used for the study were collected from rice-farming households with 116 cooperative members and 117 non-cooperative members in Vi Thuy and Long My districts of Hau Giang province. Methods used for data analysis were descriptive statistics, cross-tab, and independent samples t-test to clarify the roles of the cooperatives in rice-farming households' production and marketing. Results showed that the cooperatives have not played a crucial role in supplying inputs such as seeds, fertilizers, and pesticides to both cooperative members and non-cooperative members. The cooperatives have not also played an important role in purchasing farmers' rice but a key role in linking farmers and enterprises for the operation of rice contract-farming. Members of the cooperatives significantly obtained higher revenue as compared to non-member counterparts.

Keywords: Hau Giang, cooperative, role, rice farmers, input supply output marketing.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Hậu Giang là tỉnh thuần nông, nằm ở trung tâm vùng Đồng bằng sông Cửu Long (được thành lập năm 2004, chia tách từ tỉnh Cần Thơ), đất nông nghiệp chiếm 86,56% diện tích đất tự nhiên của tỉnh. Lúa được xem là cây

trồng chính của nông dân ở tỉnh Hậu Giang, diện tích đất lúa chiếm khoảng 55% đất nông nghiệp của tỉnh.

Trong những năm gần đây, nhằm thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước về phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn, phát triển kinh tế tập thể và hợp tác xã, tỉnh

Hậu Giang đã ban hành một số chính sách có liên quan đến phát triển kinh tế tập thể, HTX. Hội đồng Nhân dân tỉnh Hậu Giang đã ban hành Nghị quyết số 07/2019/NQ-HĐND, ngày 11/7/2019 về việc quy định chính sách khuyến khích đầu tư; chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp và Nghị quyết số 26/NQ-HĐND, ngày 4/12/2020 về Đề án phát triển nông nghiệp bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu ở tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030. Một trong những nội dung quan trọng của đề án là xây dựng 15 HTX kiểu mẫu hoạt động có hiệu quả nhằm giúp nông dân thích ứng tốt với biến đổi khí hậu. Trước đó, tỉnh cũng đã thực hiện Đề án nâng cao chất lượng hoạt động của HTX trên địa bàn tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2014-2016 và định hướng đến năm 2020.

Trong công tác điều hành, UBND tỉnh Hậu Giang đã ban hành Quyết định số 1168/QĐ-UBND ngày 06/8/2018 về việc thành lập Ban Chỉ đạo đổi mới, phát triển kinh tế tập thể, HTX trên địa bàn tỉnh; kế hoạch số 406/KH-UBND ngày 22/3/2019 về triển khai thực hiện Quyết định số 461/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về phát triển 15.000 HTX, liên hiệp HTXNN hoạt động có hiệu quả đến năm 2020 và kế hoạch 1656/KH-UBND ngày 05/8/2020 về phát triển kinh tế tập thể giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Hậu Giang. Đặc biệt, Tỉnh ủy Hậu Giang đã ban hành Chỉ thị số 39-CT/TU ngày 18/7/2018 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với phát triển kinh tế tập thể, HTX trên địa bàn tỉnh. Thành lập và kiện toàn Ban Chỉ đạo đổi mới, phát triển kinh tế tập thể, HTX từ cấp tỉnh đến cơ sở.

Những năm qua, Hậu Giang được xem là một trong những tỉnh ở ĐBSCL rất quan tâm đến việc phát triển lĩnh vực kinh tế hợp tác, HTX. Theo báo cáo của Liên minh HTX tỉnh Hậu Giang, năm 2020, toàn tỉnh có 1 Liên hiệp HTX và 234 HTX, vốn điều lệ khoảng 394 tỷ đồng với 9.549 thành viên. Trong đó, lĩnh vực nông nghiệp có 202 HTX, chiếm khoảng 86,3% tổng số HTX toàn tỉnh với 5.033 thành viên và vốn điều lệ khoảng 164 tỷ đồng. Tuy nhiên, số hộ thành viên tham gia HTX còn ít, chỉ chiếm

1,3% số hộ sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh; quy mô hoạt động nhỏ lẻ, bình quân mỗi HTX chỉ có 23 hộ thành viên.

Theo Liên minh HTX tỉnh Hậu Giang (2021), hoạt động của các HTX trong tỉnh mang lại cho nông dân chưa được như kỳ vọng, đặc biệt là dịch vụ hỗ trợ sản xuất như cung cấp giống, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật (BVTV), tiêu thụ sản phẩm. Nghiên cứu này được thực hiện nhằm đánh giá vai trò của HTX trong việc cung cấp dịch vụ vật tư đầu vào và tiêu thụ sản phẩm đầu ra cho nông dân sản xuất lúa ở tỉnh Hậu Giang. Đây được xem là những hoạt động dịch vụ quan trọng của HTX đối với nông dân. Thông qua kết quả nghiên cứu, một số gợi ý chính sách sẽ được đề xuất nhằm nâng cao vai trò của HTX đối với sản xuất và tiêu thụ lúa cho nông dân.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Thu thập số liệu

Theo báo cáo của Liên minh HTX tỉnh Hậu Giang năm 2020, số HTX hoạt động trong lĩnh vực sản xuất lúa gạo là 65 HTX, chiếm 32% tổng số HTX nông nghiệp của tỉnh. Các HTX hoạt động trong lĩnh vực sản xuất lúa ở huyện Vị Thủy và huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang đã được chọn để thực hiện nghiên cứu. Riêng lĩnh vực lúa gạo, huyện Vị Thủy có 13 HTX và huyện Long Mỹ có 12 HTX và cũng là những địa phương có thế mạnh về sản xuất lúa của tỉnh. Theo số liệu của ngành nông nghiệp, tỉ lệ diện tích đất lúa ở huyện Vị Thủy và Long Mỹ chiếm lần lượt là 84% và 77% tổng diện tích đất nông nghiệp của từng huyện. Để thu thập số liệu cho nghiên cứu, chúng tôi thực hiện qua hai giai đoạn cơ bản sau:

Giai đoạn 1: Khảo sát tất cả các HTX có thành viên sản xuất lúa là chủ yếu và được thành lập ít nhất là 2 năm trên địa bàn huyện Vị Thủy và huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang (25 HTX). Các HTX này được ngành nông nghiệp địa phương đánh giá hàng năm theo Thông tư số 09/2021/TT-BNNPTNT ngày 17/4/2021 của Bộ NN&PTNT. Trong tổng số 25 HTX khảo sát có 8 HTX xếp loại tốt, 9 HTX xếp

loại khá, 8 HTX xếp loại trung bình và yếu. Mục đích khảo sát nhằm đánh giá thực trạng hoạt động của các HTX sản xuất lúa ở tỉnh Hậu Giang. Giai đoạn này, chúng tôi thực hiện phỏng vấn sâu với đại diện ban lãnh đạo HTX để thu thập các thông tin có liên quan về số lượng thành viên, vốn điều lệ, vốn góp và các hoạt động chính của HTX.

Giai đoạn 2: Dựa trên kết quả khảo sát ở giai đoạn 1, chúng tôi đã chọn 6 HTX (3 HTX ở huyện Vị Thủy và 3 HTX ở huyện Long Mỹ) đại diện cho 25 HTX đã khảo sát (HTX tốt, khá, trung bình. Mỗi HTX chọn từ 15-20 thành viên theo danh sách do HTX cung cấp để điều tra nông hộ. Hộ nông dân không tham gia HTX cũng được chọn ngẫu nhiên từ danh sách do địa phương (trưởng ấp, cán bộ khuyến nông) cung cấp. Tổng số mẫu đã khảo sát là 233 hộ nông dân trồng lúa, bao gồm 116 hộ tham gia và 117 hộ không tham gia HTX (Bảng 1). Cỡ mẫu nông hộ khảo sát được xác định theo công thức của Cochran (1977):

$$n = \frac{Z^2}{4e^2}$$

Trong đó:

n: số lượng cỡ mẫu tối thiểu;

Z: giá trị tra bảng phân phối Z, khoảng tin cậy 95% (1,96);

Sai số cho phép ($\pm 5\%$).

Như vậy, cỡ mẫu tối thiểu đối với mỗi nhóm là 96 quan sát (số mẫu khảo sát ở mỗi nhóm đã thỏa mãn yêu cầu).

Thành viên HTX được chọn để khảo sát phải tham gia HTX ít nhất 2 năm, hộ không tham gia HTX phải cùng nơi cư trú với các thành viên HTX nhằm bảo đảm tính tương đồng về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội giữa hai nhóm hộ. Trong quá trình khảo sát, chúng tôi

chỉ thực hiện phỏng vấn những hộ sẵn lòng trao đổi thông tin và có sự hiện diện của thành viên trực tiếp phụ trách sản xuất lúa của nông hộ. Trong thực tế, nhiều nông dân không muốn trả lời, hay thành viên trực tiếp sản xuất lúa đi vắng thì không thể thực hiện phỏng vấn.

Phương pháp điều tra hộ bằng bảng hỏi được áp dụng để thu thập thông tin có liên quan đến thông tin nhân khẩu của nông hộ, qui mô sản xuất, việc mua vật tư đầu vào sản xuất và tiêu thụ lúa của nông hộ. Các thông tin có liên quan đến chi phí sản xuất, sản lượng cũng như giá bán lúa của nông hộ cũng được thu thập.

Các cuộc điều tra nông hộ được thực hiện từ tháng 4 đến tháng 12 năm 2021.

2.2. Phân tích số liệu

Nghiên cứu sử dụng phương pháp thống kê mô tả (giá trị trung bình, độ lệch chuẩn), phân tích bảng chéo (cross-tab) và kiểm định sự khác biệt trung bình giữa hai tổng thể (independent-samples t-test) để xem xét mối quan hệ giữa việc tham gia HTX và kết quả sản xuất và tiêu thụ lúa của nông dân ở tỉnh Hậu Giang.

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Đặc điểm cơ bản của các HTX khảo sát

Kết quả phân tích cho thấy, HTX hoạt động trong lĩnh vực sản xuất lúa gạo ở tỉnh Hậu Giang có qui mô hoạt động tương đối nhỏ. Theo Thông tư số 01/2020/TT-BKHĐT của Bộ Kế hoạch và Đầu tư ngày 19/02/2020, phân loại theo quy mô thành viên, phần lớn các HTX được khảo sát xếp loại nhỏ (trung bình 50 thành viên/HTX). Cá biệt, có HTX chỉ có 8 thành viên (siêu nhỏ). Trong khi đó, nếu phân loại theo quy mô nguồn vốn, các HTX có quy mô siêu nhỏ (vốn dưới 1 tỉ đồng).

Bảng 1. Số hộ trồng lúa được khảo sát (hộ)

Địa bàn nghiên cứu	Hộ tham gia HTX	Hộ không tham gia HTX	Tổng số mẫu
Huyện Long Mỹ (3 HTX)	59	56	115
Huyện Vị Thủy (3 HTX)	57	61	118
Tổng số mẫu (6 HTX)	116	117	233

Bảng 2. Thông tin cơ bản về các HTX đã khảo sát năm 2021 (n = 25)

Chỉ tiêu	Trung bình	Lớn nhất	Nhỏ nhất	Độ lệch chuẩn
Tuổi/năm hoạt động của HTX (năm)	4,88	11	1	2,86
Số thành viên lúc thành lập (người/HTX)	22	72	7	13
Số thành viên thời điểm khảo sát (người/HTX)	50	366	8	72
Vốn điều lệ đăng ký (triệu đồng/HTX)	300,00	1.200	20	297,82
Vốn góp của thành viên (triệu đồng/HTX)	365,40	2.000	22	480,64
Diện tích đất lúa của thành viên (ha/HTX)	98,78	500	10	126,48
Lợi nhuận chưa chia của HTX (triệu đồng/HTX)	116,09	660	0	155,22

Đặc biệt, qua khảo sát cho thấy hầu hết các HTX không có đất đai riêng và cũng không có trụ sở riêng để hoạt động. Tổng diện tích sản xuất lúa trung bình của các thành viên trong một HTX chưa tới 100ha. Nhìn chung, hoạt động sản xuất kinh doanh của các HTX được khảo sát đều có lãi, lợi nhuận chưa chia đạt trung bình khoảng 116 triệu đồng/HTX/năm. Tuy nhiên, cũng có không ít HTX không có hoạt động dịch vụ, nên không có doanh thu và lợi nhuận (Bảng 2).

Về tiếp cận tín dụng, qua ghi nhận thực tế, hầu hết các HTX không tiếp cận được nguồn vốn từ quỹ hỗ trợ phát triển HTX cũng như vốn vay của ngân hàng, do để vay được nguồn vốn này phải cần tài sản thế chấp trong khi đó HTX không có tài sản hay đất đai riêng.

Qua khảo sát cho thấy, cùng một lúc, HTX có thể thực hiện nhiều hoạt động dịch vụ. Số HTX có thực hiện dịch vụ làm đất khá khiêm tốn, chỉ 12% số HTX được khảo sát. Phần lớn các HTX được khảo sát có thực hiện dịch vụ bơm nước phục vụ sản xuất lúa cho các thành viên HTX cũng như cho nông dân bên ngoài (Bảng 3). Những HTX này thường được giao quản lý và vận hành các trạm bơm điện do Nhà nước đầu tư. Giá dịch vụ bơm nước cho thành viên thường thấp hơn khoảng 20% so với nông dân không phải là thành viên HTX. Tỷ lệ HTX có thực hiện dịch vụ cung ứng vật tư đầu vào sản xuất cho nông dân cũng khá thấp, chỉ 24% HTX có thực hiện dịch vụ cung cấp phân bón và thuốc BVTV và 32% HTX được khảo sát thực hiện dịch vụ cung cấp lúa giống cho nông dân.

Về thu hoạch và tiêu thụ lúa cho nông dân, 28% HTX được khảo sát có thực hiện dịch vụ

thu hoạch lúa cho nông dân. Một số HTX cũng đã nỗ lực thực hiện dịch vụ tiêu thụ lúa cho nông dân, 32% HTX được khảo sát có thực hiện dịch vụ tiêu thụ lúa. Thông thường, các HTX này không thực hiện hoạt động thu mua lúa của nông dân, thay vào đó họ ký hợp đồng liên kết tiêu thụ lúa gạo với các doanh nghiệp lương thực. Các doanh nghiệp liên kết này thường trả HTX hoa hồng cho việc theo dõi và thực hiện hợp đồng liên kết tiêu thụ lúa gạo với nông dân.

Qua đây cho thấy, các HTX được khảo sát trong lĩnh vực sản xuất lúa gạo có thực hiện các hoạt động dịch vụ hỗ trợ sản xuất cho thành viên và hộ nông dân tương đối ít. Khảo sát thực tế cho thấy, không ít HTX hoạt động hình thức, được thành lập để đáp ứng tiêu chí nông thôn mới.

3.2. Thông tin cơ bản về nông hộ được khảo sát

Nhìn chung giữa hai nhóm hộ có sự khác biệt nhau về các đặc điểm có liên quan đến nhân khẩu. Tuổi của chủ hộ tham gia HTX cao hơn với chủ hộ không tham gia HTX (Bảng 4). Tuy nhiên, kinh nghiệm canh tác lúa giữa hai nhóm hộ không có sự khác biệt ý nghĩa thống kê. Tương tự, trình độ học vấn của chủ hộ giữa hai nhóm gần như tương đồng với nhau. Hộ tham gia HTX có số thành viên làm nông nghiệp (canh tác lúa) ít hơn so với nhóm hộ còn lại. Ngụ ý, hộ không tham gia HTX có thể ít thuê mướn lao động hơn trong quá trình sản xuất. Do lao động ít nên nông hộ có thể cần sự liên kết hợp tác với những nông dân khác, nếu tham gia vào HTX sẽ thuận lợi hơn. Số thành viên canh tác lúa giữa hai nhóm hộ qua kết quả kiểm định t-test cho thấy có sự khác biệt ý nghĩa thống kê 5%.

Bảng 3. Các hoạt động/dịch vụ chính của các HTX khảo sát năm 2021 (n = 25)

Chỉ tiêu	Tần suất	Tỉ lệ (%)
Dịch vụ làm đất	3	12
Dịch vụ bơm nước	16	64
Dịch vụ cung ứng phân bón và thuốc BVTV	6	24
Dịch vụ sản xuất/cung cấp lúa giống	8	32
Dịch vụ thu hoạch lúa	7	28
Dịch vụ tiêu thụ lúa	8	32

Bảng 4. Đặc điểm hộ tham gia và không tham gia HTX năm 2021 (n = 233)

Các biến	Hộ tham gia HTX (n = 116)	Hộ không tham gia HTX (n = 117)	Giá trị P
Tuổi của chủ hộ	53,94	50,99	0,026**
Kinh nghiệm canh tác lúa của hộ (năm)	28,21	25,79	0,105
Trình độ học vấn của chủ hộ (số năm đi học)	7,67	7,59	0,862
Số thành viên tham gia canh tác lúa (người)	2,37	2,68	0,037**
Diện tích đất canh tác lúa của nông hộ (ha)	2,05	1,39	0,001***

Diện tích canh tác lúa của hộ tham gia HTX nhiều hơn so với hộ không tham gia HTX khoảng 0,6ha (Bảng 4). Ngụ ý, nông dân có qui mô sản xuất nhỏ ít quan tâm đến việc tham gia vào HTX so với nông dân có qui mô canh tác lớn. Điều này cũng có thể do các HTX thường quan tâm và mời gọi nông dân có diện tích lớn tham gia vào HTX để thuận lợi trong việc quản lý và liên kết với các doanh nghiệp trong việc cung ứng vật tư đầu vào cũng như khâu tiêu thụ lúa cho nông dân.

3.3. Vai trò HTX trong cung cấp vật tư đầu vào sản xuất cho nông dân

Kết quả phân tích số liệu thu thập được từ thành viên HTX và hộ nông dân cho thấy, HTX chưa có vai trò quan trọng trong việc cung ứng vật tư đầu vào sản xuất như giống, phân bón và thuốc BVTV cho nông dân.

Về nơi cung cấp lúa giống, kết quả khảo sát cho thấy có khoảng 98% tổng số nông dân được khảo sát mua lúa giống (giống xác nhận) từ cửa hàng vật tư nông nghiệp (VTNN), công ty giống và từ HTX; chỉ khoảng 2% nông dân sử dụng

giống nhà để gieo trồng. Điều này ngụ ý, hầu hết nông dân sản xuất lúa hiện nay đều sử dụng giống xác nhận. Kết quả từ bảng 5 cho thấy, cửa hàng VTNN vẫn là nơi cung cấp lúa giống chủ yếu cho nông dân, 59,2% tổng số nông dân được khảo sát mua giống từ cửa hàng VTNN, 32,2% nông dân mua từ HTX và chỉ có 2,1% và 6,4% nông dân lần lượt sử dụng giống nhà và mua từ công ty. Khi phân tích theo nhóm hộ, 72,6% nông dân không tham gia HTX và 45,7% nông dân là thành viên HTX mua lúa giống từ cửa hàng VTNN. Kết quả phân tích cho thấy, chỉ có 18,8% nông dân không tham gia HTX và 45,7% thành viên HTX mua giống thông qua HTX cung cấp. Qua kết quả phân tích trên cho thấy HTX chưa có vai trò quan trọng trong việc cung cấp giống sản xuất cho nông dân. Kết quả kiểm định Chi-Square cũng cho thấy có mối quan hệ giữa việc tham gia HTX và nơi mua lúa giống của nông dân. Nếu nông dân tham gia HTX sẽ có xu hướng mua VTNN thông qua HTX.

Tương tự như nơi cung cấp giống, cửa hàng VTNN vẫn đóng vai trò chính trong việc cung cấp phân bón và thuốc BVTV cho nông dân (gọi chung là VTNN). Kết quả phân tích cho thấy,

lần lượt có 70,8% và 24,5% tổng số nông dân được khảo sát mua VTNN từ cửa hàng VTNN và HTX (Bảng 6). Phân tích theo nhóm hộ, chỉ khoảng 9,4% nông dân không tham gia HTX và 39,7% nông dân là thành viên HTX mua VTNN

thông qua HTX, nhưng có tới 88% hộ không là thành viên HTX và 53,4% hộ là thành viên HTX mua VTNN từ cửa hàng VTNN. Như ý, HTX chưa có vai trò lớn trong việc cung cấp VTNN cho thành viên HTX cũng như hộ nông dân.

Bảng 5. Nơi cung cấp lúa giống cho nông hộ năm 2021 (n = 233)

Nhóm hộ		Nơi cung cấp lúa giống				Tổng
		Cửa nhà	Cửa hàng VTNN	Công ty	Qua HTX	
Hộ không tham gia HTX	Tần suất	4	85	6	22	117
	Tỉ lệ phân theo nhóm hộ không tham gia HTX (%) [*]	3,4	72,6	5,1	18,8	100
	Tỉ lệ phân theo nơi cung cấp lúa giống (%) ^{**}	80	61,6	40,0	29,3	50,2
	Tỉ lệ theo tổng mẫu (%) ^{***}	1,7	36,5	2,6	9,4	50,2
Hộ tham gia HTX	Tần suất	1	53	9	53	116
	Tỉ lệ phân theo nhóm hộ không tham gia HTX (%) [*]	0,9	45,7	7,8	45,7	100
	Tỉ lệ phân theo nơi cung cấp lúa giống (%) ^{**}	20	38,4	60	70,7	49,8
	Tỉ lệ theo tổng mẫu (%) ^{***}	0,4	22,7	3,9	22,7	49,8
Tổng mẫu	Tần suất	5	138	15	75	233
	Tỉ lệ trong nhóm hộ không tham gia HTX (%) [*]	2,1	59,3	6,4	32,2	100
	Tỉ lệ phân theo nơi cung cấp lúa giống (%) ^{**}	100	100	100	100	100
	Tỉ lệ theo tổng mẫu (%) ^{***}	2,1	59,2	6,4	32,2	100

Giá trị Pearson Chi-square: 0,0001

Ghi chú: ^{*}: Tính theo chiều ngang trong bảng; ^{**}: Tính theo chiều dọc trong bảng; ^{***}: Tính trên tổng số mẫu quan sát.

Bảng 6. Nơi cung cấp phân bón và thuốc BVTV cho nông hộ trồng lúa năm 2021 (n = 233)

Nhóm hộ		Nơi cung cấp phân bón và thuốc BVTV				Tổng
		Cửa nhà	Cửa hàng VTNN	Công ty	Qua HTX	
Hộ không tham gia HTX	Tần suất	3	103	0	11	117
	Tỉ lệ trong nhóm hộ không tham gia HTX (%) [*]	2,6	88	0	9,4	100
	Tỉ lệ phân theo nơi cung cấp phân bón và thuốc BVTV (%) ^{**}	100	62,4	0	19,3	50,2
	Tỉ lệ theo tổng mẫu (%) ^{***}	1,3	44,2	0	4,7	50,2
Hộ tham gia HTX	Tần suất	0	62	8	46	116
	Tỉ lệ trong nhóm hộ tham gia HTX (%) [*]	0	53,4	6,9	39,7	100
	Tỉ lệ phân theo nơi cung cấp phân bón và thuốc BVTV (%) ^{**}	0	37,6	100	80,7	49,8
	Tỉ lệ theo tổng mẫu (%) ^{***}	0	26,6	3,4	19,7	49,8
Tổng mẫu	Tần suất	3	165	8	57	233
	Tỉ lệ trong cả hai nhóm hộ (%) [*]	1,3	70,8	3,4	24,5	100
	Tỉ lệ phân theo nơi cung cấp phân bón và thuốc BVTV (%) ^{**}	100	100	100	100	100
	Tỉ lệ theo tổng mẫu (%) ^{***}	1,3	70,8	3,4	24,5	100

Giá trị Pearson Chi-square: 0,0001

Ghi chú: ^{*}: Tính theo chiều ngang trong bảng; ^{**}: Tính theo chiều dọc trong bảng; ^{***}: Tính trên tổng số mẫu quan sát.

Khảo sát thực tế cho thấy các HTX có hoạt động cung cấp vật tư đầu vào sản xuất chủ yếu liên kết với các doanh nghiệp để hưởng hoa hồng khi cung cấp vật tư sản xuất như giống, phân bón và thuốc BVTV, có rất ít HTX trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh vật tư đầu vào sản xuất. Điều này có thể do HTX không có đủ nguồn lực về vốn cũng như cơ sở hạ tầng để thực hiện và khó cạnh tranh lại với các cửa hàng VTNN.

3.4. Vai trò HTX trong việc tiêu thụ lúa cho nông dân

Qua khảo sát cho thấy, thương lái vẫn đóng vai trò quan trọng trong việc tiêu thụ lúa cho nông dân, 74,2% tổng số nông dân được khảo sát bán lúa qua thương lái và 25,8% nông dân còn lại bán lúa thông qua HTX. Phân tích theo nhóm hộ, có đến 90,6% hộ không tham gia HTX bán lúa cho thương lái và 57,8% nông dân là thành viên HTX bán lúa cho thương lái. Tuy nhiên, cũng có 9,4% hộ không là thành viên HTX bán lúa qua HTX và chỉ có khoảng 42,2% thành viên bán lúa thông qua HTX. Điều này có thể được giải thích là do nhiều HTX chưa có thực hiện hoạt động liên kết tiêu thụ với doanh nghiệp và hầu hết các HTX không có thực hiện hoạt động thu mua lúa trực tiếp cho thành viên cũng như hộ nông dân. Về phía thành viên HTX, một số thành viên không muốn bán lúa thông qua HTX do có mối quan hệ mua bán với thương lái. Thương lái thường thanh toán tiền ngay sau khi thu gom lúa của nông dân, trong khi đó nếu bán lúa cho doanh nghiệp thông qua HTX, doanh nghiệp thường thanh toán tiền cho nông dân sau khoảng 1-2 tuần từ khi thu gom lúa.

Kết quả kiểm định Chi-Square cho thấy, có mối quan hệ giữa việc tham gia HTX và nơi bán lúa của nông dân (Bảng 7). Qua đây cho thấy, HTX chưa có vai trò nổi bật trong việc tiêu thụ lúa cho các thành viên cũng như nông dân ngoài HTX. Trong khi đó, nông dân bán lúa cho thương lái thường qua “cò” và không chủ động được trong việc thương lượng giá cả, đôi khi thương lái cũng lợi dụng sự thiếu thông tin về

thị trường, ảnh hưởng mưa bão để ép giá nông dân. Đảm bảo việc tiêu thụ cũng như giá cả đầu ra là điều được nhiều nông dân mong muốn nhất hiện nay.

Như đã thảo luận ở phần trên về dịch vụ do HTX cung cấp, tất cả các HTX được khảo sát đều không thực hiện hoạt động thu mua lúa trực tiếp mà họ chỉ thực hiện hoạt động liên kết với doanh nghiệp trong việc tiêu thụ lúa cho nông dân. Kết quả khảo sát từ các HTX cho thấy, doanh nghiệp thường ký hợp đồng liên kết tiêu thụ lúa trực tiếp với HTX chứ không ký hợp đồng với từng nông hộ. Do đó, HTX thường đại diện cho các thành viên để ký hợp đồng với doanh nghiệp. Nội dung hợp đồng thường đề cập đến qui mô diện tích liên kết và sản lượng lúa thu hoạch dự kiến, trách nhiệm của các bên. Dựa vào hợp đồng với doanh nghiệp, HTX lập danh sách nông dân tham gia liên kết ký tên xác nhận, đây được xem “hợp đồng con” giữa HTX và nông dân. Tuy nhiên, khi triển khai có một số thành viên HTX không đồng ý thực hiện. Do đó, HTX phải mời thêm những hộ cá thể tham gia liên kết để đảm bảo đủ qui mô diện tích và sản lượng dự kiến đã ký với doanh nghiệp. HTX đóng vai trò đại diện cho nông dân và cũng thay mặt doanh nghiệp để theo dõi và hỗ trợ nông dân trong quá trình liên kết. Các doanh nghiệp thường trả hoa hồng cho HTX về việc theo dõi thực hiện hợp đồng (20 đồng/kg lúa), tuy nhiên một số HTX không nhận số tiền hoa hồng này mà số tiền này sẽ được trả lại cho nông dân thực hiện liên kết.

Nghiên cứu cho thấy HTX chủ yếu thực hiện vai trò môi giới trung gian cho các công ty hay doanh nghiệp trong việc tiêu thụ lúa cho nông dân và được các đơn vị này trả hoa hồng. Hầu hết các HTX không trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh lúa gạo. Điều này có thể do HTX không đủ vốn, nhân lực và phương tiện để thực hiện, nên không cạnh tranh được với thương lái cũng như các doanh nghiệp lương thực.

3.5. Vai trò HTX đối với hiệu quả sản xuất lúa của nông dân

Để phân tích vai trò của HTX đối với hiệu quả sản xuất lúa của nông dân, chúng tôi sử

dụng phương pháp kiểm định t-test nhằm làm rõ sự khác biệt về hiệu quả sản xuất như chi phí sản xuất, giá bán và lợi nhuận của hộ tham gia và không tham gia HTX. Kết quả phân tích cho thấy tổng chi phí sản xuất lúa của nông dân tham gia HTX thấp hơn so với hộ không tham gia HTX khoảng 800.000 đồng/ha (Bảng 8). Điều này, do không ít hộ tham gia HTX sử dụng các dịch vụ cung ứng vật tư đầu vào cũng như các dịch vụ bơm tưới, thu hoạch lúa từ HTX nên có chi phí thấp hơn. Kết quả này cũng phù hợp với việc phân tích vai trò HTX trong việc cung ứng vật tư đầu vào sản xuất cho nông dân. Theo Dương Ngọc Thành & cs. (2018) cho rằng, khi nông dân tham gia HTX sẽ sử dụng các dịch vụ kinh doanh của HTX như dịch vụ bơm nước,

chuẩn bị đất, thu hoạch lúa, cung cấp vật tư nông nghiệp như giống, phân bón và nông được với giá ưu đãi.

Kết quả phân tích cho thấy, hộ tham gia HTX có giá bán lúa cao hơn so với hộ không tham gia HTX ở mức ý nghĩa thống kê 10% (Bảng 8). Kết quả này có thể do nhiều thành viên HTX bán lúa trực tiếp cho doanh nghiệp thông qua hợp đồng liên kết tiêu thụ do HTX ký kết. Điều này cũng phù hợp với kết quả phân tích vai trò của HTX trong việc tiêu thụ lúa cho nông dân. Qua khảo sát thực tế, HTX thường ký kết hợp đồng liên kết tiêu thụ lúa cho thành viên với các doanh nghiệp kinh doanh lương thực có giá cao hơn khoảng 200 đồng/kg so với nông dân bán tự do cho thương lái.

Bảng 7. Mối quan hệ giữa tham gia HTX và nơi tiêu thụ lúa của nông hộ năm 2021 (n = 233)

Nhóm hộ		Nơi bán lúa		Tổng
		Bán qua thương lái	Bán qua HTX	
Hộ không tham gia HTX	Tần suất	106	11	117
	Tỉ lệ phân theo nhóm hộ không tham gia HTX (%) [*]	90,6	9,4	100
	Tỉ lệ phân theo nơi bán lúa (%) ^{**}	61,3	18,3	50,2
	Tỉ lệ theo tổng mẫu (%) ^{***}	45,5	4,7	50,2
Hộ tham gia HTX	Tần suất	67	49	116
	Tỉ lệ phân theo nhóm hộ không tham gia HTX (%) [*]	57,8	42,2	100
	Tỉ lệ phân theo nơi bán lúa (%) ^{**}	38,7	81,7	49,8
	Tỉ lệ theo tổng mẫu (%) ^{***}	28,8	21	49,8
Tổng mẫu	Tần suất	173	60	233
	Tỉ lệ phân theo nhóm hộ không tham gia HTX (%) [*]	74,2	25,8	100
	Tỉ lệ phân theo nơi bán lúa (%) ^{**}	100	100	100
	Tỉ lệ theo tổng mẫu (%) ^{***}	74,3	25,7	100

Giá trị Pearson Chi-square: 0,0001

Ghi chú: ^{*}: Tính theo chiều ngang trong bảng; ^{**}: Tính theo chiều dọc trong bảng; ^{***}: Tính trên tổng số mẫu quan sát.

Bảng 8. Hiệu quả sản xuất lúa vụ Đông Xuân năm 2020-2021 của hộ nông dân được khảo sát (n = 233)

Các biến	Hộ tham gia HTX (n = 116)	Hộ không tham gia HTX (n = 117)	Giá trị P
Tổng chi phí sản xuất (đồng/ha/vụ)	19.408.903	20.285.000	0,010
Giá bán lúa (đồng/kg)	6.510	6.363	0,052
Năng suất (kg/ha)	8.202	8.044	0,012
Lợi nhuận (đồng/ha/vụ)	33.975.252	30.874887	0,001

Hộ tham gia HTX sản xuất lúa đạt lợi nhuận cao hơn so với hộ không tham gia HTX khoảng 3 triệu đồng/ha. Điều này có thể được lý giải là do chi phí sản xuất của hộ tham gia HTX thấp hơn trong khi đó giá bán lúa và năng suất cao hơn so với hộ không phải thành viên HTX (Bảng 8). Điều này cũng phù hợp với kết quả nghiên cứu của Trần Quốc Nhân (2020).

4. KẾT LUẬN VÀ HÀM Ý CHÍNH SÁCH

Cửa hàng VTNN vẫn đóng vai trò chính trong việc cung cấp vật tư đầu vào sản xuất như giống, phân bón và thuốc BVTV cho nông dân canh tác lúa ở tỉnh Hậu Giang. Một số HTX đóng vai trò quan trọng trong việc liên kết cung cấp vật tư đầu vào cho thành viên và kể cả nông dân không phải là thành viên của HTX. Qua nghiên cứu thấy rằng HTX ở tỉnh Hậu Giang chưa thực hiện được vai trò chính trong việc thực hiện dịch vụ cung ứng vật tư đầu vào sản xuất cho nông dân.

Thương lái vẫn là tác nhân chính trong kênh tiêu thụ lúa của nông dân ở cấp độ nông hộ. Số HTX thực hiện dịch vụ tiêu thụ lúa vẫn còn khiêm tốn, HTX đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy liên kết tiêu thụ lúa gạo giữa nông dân và doanh nghiệp. Việc thực hiện liên kết này đã giúp giá bán lúa của nông dân cao hơn, tuy nhiên việc thanh toán tiền cho nông dân thường chậm. Hầu hết các HTX chưa có vai trò nổi bật trong việc tiêu thụ lúa cho nông dân, đa số không thực hiện trực tiếp việc thu mua lúa gạo của nông dân.

Qua nghiên cứu cho thấy, thành viên HTX sản xuất đạt năng suất và lợi nhuận cao hơn so với hộ nông dân không tham gia HTX. Trong nghiên cứu này, chúng tôi chỉ sử dụng phương pháp t-test để kiểm định sự khác biệt giữa hai nhóm hộ nông dân. Tuy nhiên, việc kiểm định này không kiểm soát được tác động cùng lúc của các yếu tố khác (như diện tích đất lúa, số lao động nông nghiệp) với việc tham gia HTX đến hiệu quả sản xuất của nông hộ. Đây được xem là một hạn chế trong nghiên cứu này.

Các HTX cần quan tâm và chú trọng đến cung cấp dịch vụ đầu vào và tiêu thụ lúa cho

nông dân. HTX cần chủ động trong việc liên kết với các đơn vị kinh doanh để cung ứng vật tư sản xuất cũng như tiêu thụ sản phẩm cho thành viên. HTX cũng cần minh bạch thông tin và cần thảo luận trao đổi với các thành viên để có được sự đồng tình và đồng lòng thực hiện các hoạt động liên kết cung cấp vật tư cũng như việc tiêu thụ.

Liên minh HTX tỉnh và ngành nông nghiệp địa phương cần chủ động hướng dẫn và tư vấn HTX trong hoạt động kinh doanh, đặc biệt về đàm phán thương lượng với các doanh nghiệp. Khâu giải ngân nguồn vốn từ quỹ hỗ trợ và phát triển HTX cần đơn giản về thủ tục để giúp HTX dễ tiếp cận.

LỜI CẢM ƠN

Nghiên cứu này là một trong những kết quả của đề tài khoa học và công nghệ cấp Bộ được tài trợ bởi Bộ Giáo dục và Đào tạo, Mã số: B2021-TCT-04.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2020). Thông tư số 01/2020/TT-BKHĐT về hướng dẫn phân loại và đánh giá hợp tác xã. Truy cập từ <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Doanh-nghiep/Thong-tu-01-2020-TT-BKHDT-huong-dan-phan-loai-va-danh-gia-hop-tac-xa-434897.aspx> ngày 02/6/2022.
- Bộ NN&PTNT (2017). Thông tư số 09/2017/TT-BNNPTNT về hướng dẫn phân loại và đánh giá hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp. Truy cập từ <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Doanh-nghiep/Thong-tu-09-2017-TT-BNNPTNT-huong-dan-phan-loai-danh-gia-hop-tac-xa-nong-nghiep-333817.aspx> ngày 02/6/2022.
- Cochran W.G. (1977). Sampling techniques (3rd ed.). New York: John Wiley & Sons.
- Dương Ngọc Thành, Nguyễn Công Toàn & Hà Thị Thu Hà (2018). Đánh giá yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động hợp tác xã nông nghiệp tại tỉnh An Giang. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ. 54(D): 212-219.
- Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang (2019). Nghị quyết số 07/2019/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Hậu Giang về việc quy định chính sách khuyến khích đầu tư; chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp. Truy cập từ <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thuong-mai/>

- Nghi-quyet-07-2019-NQ-HDND-dau-tu-lien-ket-san-xuat-tieu-thu-san-pham-nong-nghiep-Hau-Giang-420318.aspx ngày 08/6/2022.
- Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang (2020). Nghị quyết số 26/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Hậu Giang về Đề án phát triển nông nghiệp bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu ở tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030. Truy cập từ <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Tai-nguyen-Moi-truong/Nghi-quyet-26-2020-NQ-HDND-phat-trien-nong-nghiep-thich-ung-voi-bien-doi-khi-hau-tinh-Hau-Giang-461292.aspx> ngày 14/6/2022.
- Liên Minh HTX tỉnh Hậu Giang (2021). Tổng kết tình hình kinh tế tập thể, hợp tác xã và hoạt động của Ban chấp hành Liên minh HTX tỉnh Hậu Giang năm 2020. Báo cáo số 06/BC-LMHTX, ngày 04/3/2021.
- Tỉnh ủy Hậu Giang (2018). Chỉ thị số 39-CT/TU của tỉnh ủy Hậu Giang về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với phát triển kinh tế tập thể, HTX trên địa bàn tỉnh. Truy cập từ <https://lmhtx.haugiang.gov.vn/van-ban-dia-phuong> ngày 14/6/2022.
- Trần Quốc Nhân (2020). Ứng dụng phương pháp ghép điểm xu hướng (PSM) đánh giá tác động của việc tham gia hợp tác xã đến hiệu quả sản xuất lúa của nông hộ ở huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ. Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam. 18(2): 138-146.
- UBND tỉnh Hậu Giang (2020). Kế hoạch số 1656/KH-UBND của UBND tỉnh Hậu Giang về phát triển kinh tế tập thể giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Hậu Giang. Truy cập từ <https://lmhtx.haugiang.gov.vn/van-ban-dia-phuong>, 14/6/2022.